TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2025/DSST
Ngày 18/6/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tú

Bà Nguyễn Thị Thuần

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B*** *tham gia phiên tòa:*

Bà Phong Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 169 /2024/ DSST ngày 25 tháng 10 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62 /2025/QĐST- DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 69 /2025 ngày 03/6/2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V**

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ:Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được uỷ quyền:

1.Ông Trần Tuấn K – chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ (Vắng mặt)

2. Ông Đào Quý T– Chuyên viên xử lý nợ (Có mặt)

3.Ông Nguyễn Duy H – Chuyên viên xử lý nợ (Có mặt)

4.Ông Phí Mạnh N - Chuyên viên xử lý nợ (Có mặt)

(Theo giấy ủy quyền số 38b/2024/UQN – CTQT ngày 01/06/2024; Giấy ủy quyền số 10/2025/UQ- KHCN ngày 17/6/2025 và giấy ủy quyền 1706/2025/UQ – KHCN ngày 17/6/2025 của Ngân hàng TMCP V)

*** Bị đơn**: **Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1997**

HKTT+ cư trú: TDP Nhật Tảo 2, phường Đ, quận B, Thành phố H. (Vắng mặt)

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Duy Hiếu, sinh năm 1991

HKTT+ cư trú: TDP Nhật Tảo 2, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình tố tụng tại Toà án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với bị đơn là bà Nguyễn Thị V đã ký kết Hợp đồng cho vay số: LN2205105734725 ngày 25/5/2022 và Hợp đồng cho vay số: LN2312081153747 ngày 13/12/2023 với nội dung cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay số LN2205105734725 ký kết ngày 25/5/2022:

Số tiền cho vay: 555,000,000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi lăm triệu đồng); Thời hạn cho vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA, VELOZ CROSS CVT, 1.5L, CVT, 7 CHỖ NGỒI sản xuất mới 100%; Lãi suất cho vay (trong hạn): 9.5%/năm được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm) và mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được Bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.vpbank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.6%/năm. Ngân hàng VPBank với bà Nguyễn Thị V thỏa thuận, thống nhất phương thức trả nợ gốc, lãi tiền vay như sau: Đối với các kỳ trả nợ gốc, bà Nguyễn Thị V phải trả nợ gốc cho Ngân hàng VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc) với số tiền phải trả mỗi kỳ là 5,781,000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng)kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/06/2022, riêng kỳ cuối cùng trả số tiền là 5,805,000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu tám trăm linh năm nghìn đồng); Đối với các kỳ trả nợ lãi: Bà Nguyễn Thị V phải trả tiền lãi cho Ngân hàng VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 (Sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi) và kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/06/2022.

Hợp đồng cho vay số LN2312081153747 ký kết ngày 13/12/2023:

Số tiền cho vay: 147,000,000 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy triệu đồng); Thời hạn cho vay: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng mua sắm trang thiết bị gia đình; Lãi suất cho vay (trong hạn): 12%/năm được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm) và mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 60 tháng được Bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website:

www.vpbank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2.5%/năm. Ngân hàng VPBank với bà Nguyễn Thị V thỏa thuận, thống nhất phương thức trả nợ gốc, lãi tiền vay như sau: Đối với các kỳ trả nợ gốc, bà Nguyễn Thị V phải trả nợ gốc cho Ngân hàng VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc) với số tiền phải trả mỗi kỳ là 2,450,000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/01/2024. Đối với các kỳ trả nợ lãi: Bà Nguyễn Thị V phải trả tiền lãi cho Ngân hàng VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 (Sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi) và kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/01/2024.

Để đảm bảo 02 khoản vay nêu trên, bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Duy H đã thế chấp 01 Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; Số loại: VELOZ; Biển số đăng ký: 30H-770.78; Số khung: MHFAB1BY3N3008952; Số máy: 2NRX861698 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Duy H và tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ … được lắp thêm, thay thế Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2205105734725 ngày 25/05/2022. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Đ theo Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 25/05/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị V mới trả được số tiền gốc và lãi cụ thể như sau:

Liên quan đến khoản vay Hợp đồng số cho vay số LN2205105734725 ký kết ngày 25/5/2022: bà Nguyễn Thị V đã trả được tổng số tiền gốc và lãi là: 252,974,780 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi hai triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm tám mươi đồng), trong đó: số tiền gốc đã trả là 132,963,000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng) và số tiền lãi đã trả là 120,011,780 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu không trăm mười một nghìn bảy trăm tám mươi đồng). Tuy nhiên, từ ngày 10/05/2024 bà Nguyễn Thị V không trả gốc và lãi theo đúng nội dung thỏa thuận tại Khoản 6 Điều 1 Hợp đồng cho vay số LN2205105734725. Do đó, bà Nguyễn Thị V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng VPBank từ ngày 10/05/2024 và đến nay toàn bộ khoản vay nêu trên đã quá hạn.

Liên quan đến khoản vay Hợp đồng cho vay số LN2312081153747 ký kết ngày 13/12/2023: bà Nguyễn Thị V đã trả được tổng số tiền gốc và lãi là: 15,637,982 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi hai đồng), trong đó: số tiền gốc đã trả là 9,875,696 đồng (Bằng chữ: Chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng) và số tiền lãi đã trả là 5,762,286 đồng (Bằng chữ: Năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng). Tuy nhiên, từ ngày 15/05/2024 bà Nguyễn Thị V không trả gốc và lãi theo đúng nội dung thỏa thuận tại Khoản 6 Điều 1 Hợp đồng cho vay số LN2312081153747. Do đó, bà Nguyễn Thị V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng VPBank từ ngày 15/05/2024 và đến nay toàn bộ khoản vay nêu trên đã quá hạn.

Sau nhiều lần Ngân hàng VPBank đôn đốc, nhắc nợ và gửi các thông báo nợ quá hạn để đề nghị bà Nguyễn Thị V thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà V vẫn cố tình tiếp tục trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi khoản vay cho Ngân hàng. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc bà Nguyễn Thị V phải trả Ngân hàng VPBank theo Hợp đồng cho vay số LN2112294991157 và Hợp đồng cho vay số LN2312081153747 tạm tính đến ngày 18/06/2025 là 559,161,394 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi chín triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm chín mươi tư đồng) và tổng số tiền lãi là: 123,600,065 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện cụ thể như sau:

1. Yêu cầu bà Nguyễn Thị V phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay số LN2112294991157 và Hợp đồng cho vay số LN2312081153747 tạm tính đến ngày 18/7/2024 là: 581,043,500đồng, trong đó: số tiền nợ gốc phải trả là 559,237,000 đồng; nợ lãi + phí: 21,806,500đồng.

2. Bà Nguyễn Thị V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà Ngân hàng VPBank với bà Hạnh đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế bà Nguyễn Thị V thanh toán hết nợ VPBank.

3.Trường hợp bà Nguyễn Thị V vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; Số loại: VELOZ; Biển số đăng ký: 30H-770.78; Số khung: MHFAB1BY3N3008952; Số máy: 2NRX861698 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Nguyễn Thị Vui, ông Nguyễn Duy H và tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ … được lắp thêm, thay thế Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp số LN2205105734725 ngày 25/05/2022 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản TP. Đà Nẵng ngày 25/05/2022.

***Bị đơn là bà Nguyễn Thị V trình bày:**

Bà có ký kết với Ngân hàng các hợp đồng cho vay số LN22051057325, ký ngày 25/5/2022 với nội dung để vay số tiền là 555.000.000đồng, thời hạn vay là 96 tháng, mục đích sử dụng là để thanh toán mua xe ô tô; Hợp đồng vay số LN 2312081153747 ký ngày 19/12/2023 với số tiền vay là 147.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng mua sắm sử dụng trang thiết bị gia đình tài sản bảo đảm cho các khoản vay lên trên là xe ô tô nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát 30H - 77078 có số khung MHFAB1B3N3008952, số máy 2NRX861698 thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Thị V. Quá trình thực hiện hợp đồng bà đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến ngày 15/4/2024 bà còn nợ gốc là 559.237.000đồng, lãi còn nợ là 21.806.200đồng. Tổng cộng 581.237.000đồng. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bà thời gian để bà sắp xếp trả nợ.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Duy H không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.**

Tại phiên toà nguyên đơn có mặt, xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không tính lãi phạt chậm trả và phí đối với bị đơn. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lời khai.

Nguyên đơn yêu cầu cụ thể như sau: Yêu cầu bà Nguyễn Thị V phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay số LN2112294991157 và Hợp đồng cho vay số LN2312081153747 tạm tính đến ngày 18/06/2025 là: **682,761,369 đồng** *(Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng),* trong đó: số tiền nợ gốc phải trả là ***559,161,394 đồng*** *(Bằng chữ: Năm trăm năm mươi chín triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm chín mươi tư đồng)* và tổng số tiền lãi là: ***123,600,065 đồng*** *(Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng)*. Bà Nguyễn Thị V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà Ngân hàng VPBank với bà V đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN2112294991157 và Hợp đồng cho vay số LN2312081153747 kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong theo quy định pháp luật;

Trường hợp bà Nguyễn Thị V vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số LN2205105734725 ngày 25/05/2022 với tài sản thế chấp là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; Số loại: VELOZ; Biển số đăng ký: 30H-770.78; Số khung: MHFAB1BY3N3008952; Số máy: 2NRX861698 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Nguyễn Thị Vui, ông Nguyễn Duy H và tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ … được lắp thêm, thay thế Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản TP. Đà Nẵng ngày 25/05/2022.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tại phiên toà phát biểu quan điểm:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- ***Về việc thụ lý vụ án:*** Ngày 24/7/2024, TAND tiếp nhận đơn khởi kiện của VPBank cùng các tài liệu khởi kiện kèm theo gồm: hợp đồng; hồ sơ pháp lý doanh nghiệp, Căn cước công dân, Giấy ủy quyền…. Ngày 16/10/2024, TAND quận B ra Thông báo nộp tạm ứng án phí, ngày 23/10/2024, VP bank đã nộp đủ. Ngày 25/10/2024, Tòa án ra thông báo thụ lý vụ án. Việc thụ lý vụ án của Thẩm phán là đúng quy định của BLTTDS quy định tại Điều 195 BLTTDS tuy nhiên còn vi phạm thời hạn xử lý đơn khởi kiện quy định tại Điều 191 BLTTDS.

- ***Về thẩm quyền thụ lý và xác định quan hệ pháp luật:***

Bị đơn có địa chỉ tại TDP Nhật Tảo 2, Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Do đó, thẩm quyền thụ lý vụ án do Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 BLTTDS

Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật là: Tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng quy định tại khoản 3, Điều 26 BLTTDS.

- Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự theo quy định tại Điều 68 BLTTDS

- Về thu thập tài liệu chứng cứ: Thẩm phán đã tiến hành thẩm định đối với tài sản bảo đảm…Thẩm phán thực hiện việc thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97, 98 BLTTDS.

Vụ án thuộc trường hợp KSV tham gia phiên tòa.

- Về thực hiện tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Việc ra thông báo và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

- Về chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 25/10/2024, Tòa án thụ lý vụ án. Ngày 06/5/2025, Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán giải quyết vụ án quá hạn thời hạn chuẩn bị xét xử - vi phạm quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Về tống đạt, niêm yết, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự: Thẩm phán thực hiện việc cấp, tống đạt, niêm yết thông báo, văn bản tố tụng cho đương sự và VKS đúng quy định của BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71. Bị đơn có đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng không chấp hành nghĩa vụ tố tụng đã từ chối các quyền tố tụng của mình quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của HĐXX tại phiên tòa:

HĐXX, thư ký tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về phiên tòa HNGĐ sơ thẩm tại Chương 14 BLTTDS.

Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

*** Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự xác định:**

Bà Nguyễn Thị V vay của VP Bank 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số LN2205105734725 ngày 25/5/2022:

VP Bank cho bà V vay số tiền 555.000.000đồng thời hạn 96 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày VP Bank giải ngân vốn vay cho bà Vui. Mục đich vay vốn để thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VELOZ CROSS CVT 7 chỗ ngồi sản xuất mới 100%. Lãi suất: trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,5%/năm; lãi suất trong hạn sau thời gian cố định cộng biên độ 3.6%/năm.

2. Hợp đồng tín dụng số LN2312081153747 ký ngày 13/12/2023:

VP Bank cho bà V vay số tiền 147.000.000đồng thời hạn 60 tháng với mục đích vay tiêu dùng mua sắm trang thiết bị gia đình. Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12%/năm; lãi suất trong hạn sau thời gian cố định điều chỉnh cộng biên độ 2.5%/năm

Lãi suất quá hạn của cả 02 hợp đồng trên là 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa khống quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Duy H đã thế chấp cho VP Bank 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển số 30H-770.78, số khung: MHFAB1BY3N3008952, số máy: 2NRX861698 thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Duy H theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số ký ngày 25/5/2022.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Nguyễn Thị V đã vi phạm nghĩa vụ đối với VPBank, theo đó các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 18/4/2025 dư nợ của bà V đối với VPBank là 667.668.596 đồng (trong đó nợ gốc là 559.161.304 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 111.784.859 đồng; phạt chậm trả: 6.722.433đồng)

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy: việc ký hợp đồng tín dụng giữa VPBank và bà Nguyễn Thị V thực hiện trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận. Các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Việc bà V vay vốn tại ngân hàng nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm thỏa thuận ký kết tại hợp đồng tín dụng đã ký. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc đòi nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ chấp nhận.

Về xử lý tài sản bảo đảm: Xét hợp đồng thế chấp giữa các bên đương sự thực hiện trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận. Việc thế chấp tài sản bảo đảm đúng quy định, đã đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn trong trường hợp bà V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ cho ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ trên đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 463; 466, 468 BLDS, 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết 01/2019 của HĐTP – TANDTC :

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán khoản vay.

Đình chỉ phần yêu cầu về phí phạt chậm trả do nguyên đơn rút 1 phần yêu cầu khởi kiện.

Trường hợp bà V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ cho ngân hàng thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Án phí: Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Trả lại cho ngân hàng tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục THA dân sự quận Bắc Từ Liêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thị Vui, HKTT+ cư trú: TDP Nhật Tảo 2, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Duy H nhưng ông H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông H là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

Xét Hợp đồng cho vay số LN2205105734725 ký kết ngày 25/5/2022; ***Hợp đồng cho vay số LN2312081153747 ký kết ngày 13/12/2023:***

Ngày 25/5/2022, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và chị Nguyễn Thị V ký kết hợp đồng số số LN2205105734725, nội dung: chị V vay của Ngân hàng số tiền: 555,000,000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi lăm triệu đồng); Thời hạn cho vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô; Lãi suất cho vay (trong hạn): 9.5%/năm được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm) và mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.6%/năm.

Ngày 13/12/2023, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và chị Nguyễn Thị V ký kết hợp đồng số LN2312081153747 cho vay số tiền: 147,000,000 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy triệu đồng); Thời hạn cho vay: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng mua sắm trang thiết bị gia đình; Lãi suất cho vay (trong hạn): 12%/năm được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm) và mức lãi suất điều

chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 60 tháng được Bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2.5%/năm.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho bà V toán bộ số tiền theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà V đã thanh toán cho Ngân hàng cụ thể: Đối với khoản vay theo Hợp đồng số cho vay số LN2205105734725 ký kết ngày 25/5/2022: bà Nguyễn Thị V đã trả được tổng số tiền gốc và lãi là: 252,974,780 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi hai triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn bảy trăm tám mươi đồng), trong đó: số tiền gốc đã trả là 132,963,000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng) và số tiền lãi đã trả là 120,011,780 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu không trăm mười một nghìn bảy trăm tám mươi đồng). Bà Nguyễn Thị V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho VPBank đối với khoản vay này từ ngày 10/05/2024 và đến nay.

Đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LN2312081153747 ký kết ngày 13/12/2023: bà Nguyễn Thị V đã trả được tổng số tiền gốc và lãi là: 15,637,982 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi hai đồng), trong đó: số tiền gốc đã trả là 9,875,696 đồng (Bằng chữ: Chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng) và số tiền lãi đã trả là 5,762,286 đồng (Bằng chữ: Năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng). Bà Nguyễn Thị V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng VPBank từ ngày 15/05/2024 và đến nay.

Hợp đồng cho vay hai bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật về hình thức và nội dung. Quá trình thực hiện hợp đồng cho vay bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với bà V phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến thời điểm xét xử là chính đáng, phù hợp với các thỏa thuận mà các bên đã ký kết theo hợp đồng cho vay, phù hợp các quy định của pháp luật nên có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Xét Hợp đồng thế chấp số LN2205105734725 ngày 25/05/2022:

Để đảm bảo 02 khoản vay nêu trên, bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Duy H đã thế chấp 01 Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; Số loại: VELOZ; Biển số đăng ký: 30H-770.78; Số khung: MHFAB1BY3N3008952; Số máy: 2NRX861698 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Nguyễn Thị Vui, ông Nguyễn Duy H và tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ … được lắp thêm, thay thế Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2205105734725 ngày 25/05/2022. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Đà Nẵng theo Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 25/05/2022.

Như vậy, hợp đồng thế chấp và các văn bản liên quan được lập đúng theo quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên thỏa mãn các quy định về thế chấp tài

sản quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, nếu chị V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng.

-Về án phí: Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị Quyết số 326/NQ – QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Xử:

1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Nguyễn Thị V về yêu cầu bà V phải chịu lãi chậm trả và phí phạt chậm trả.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đối với bà Nguyễn Thị V. Buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 18/6/2025 là: 682,761,369 đồng,trong đó:

+ Số tiền nợ gốc là: 559,161,394 đồng

+ Số tiền lãi trong hạn và quá hạn là: 123,600,065 đồng

Kể từ ngày 19/6/2025, bà V còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc. (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng).

2. Trường hợp bà V không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; Số loại: VELOZ; Biển số đăng ký: 30H-770.78; Số khung: MHFAB1BY3N3008952; Số máy: 2NRX861698; Chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên bà Nguyễn Thị V theo Hợp đồng thế chấp số LN2205105734725 ngày 25/05/2022. Tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Đà Nẵng ngày 25/05/2022.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 31.310.455đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 13.620.800đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0075316 ngày 23/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *VKSND quận B;*
-Chi cục THADS quận B
-Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Tuyết